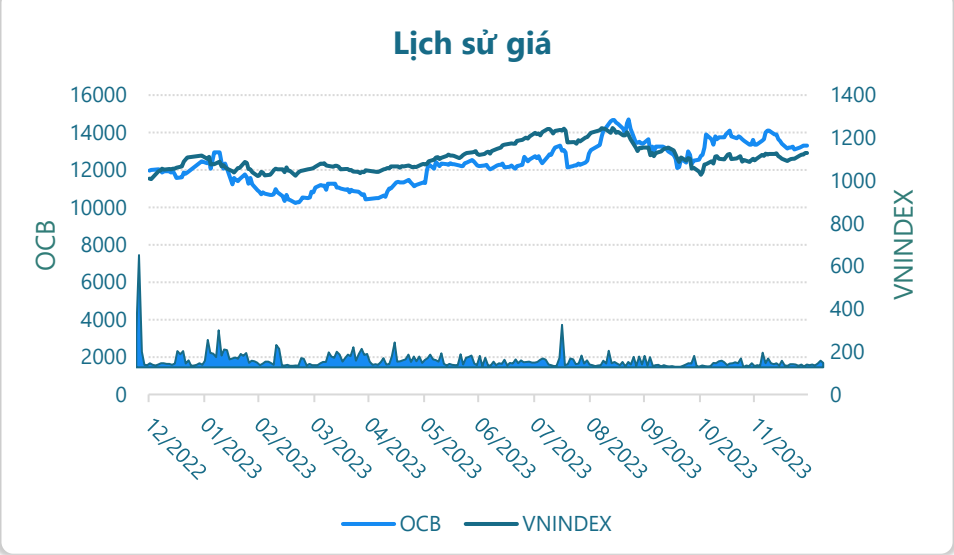
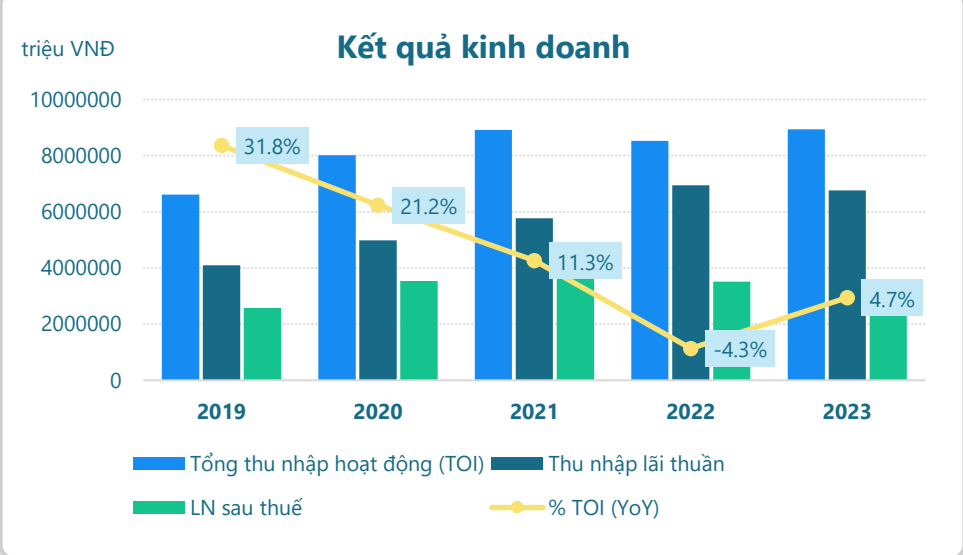
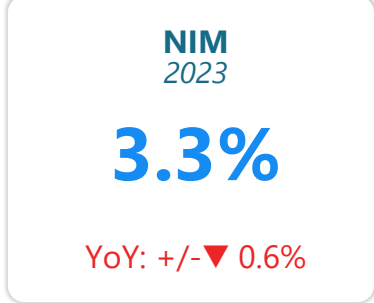
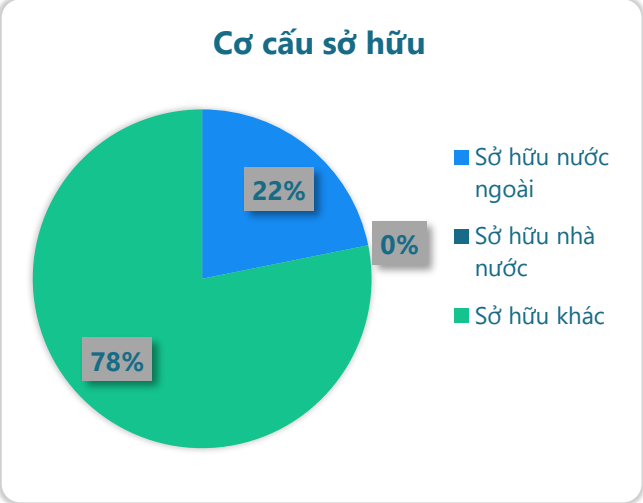


# KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023 (OCB)

## Ngân hàng TMCP Phương Đông

Ngày 29/12/2023	13,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.8%	2.7%	10.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,233 - 14,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	27,329
Số lượng CPLH (CP)	2,054,824,294
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,662,505
Sở hữu nước ngoài	21.8%
Beta	1.03
EPS	2,034
P/E	6.5

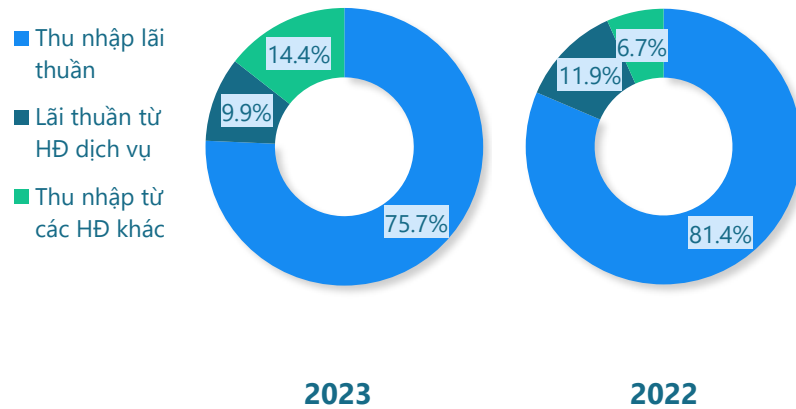


Tổng thu nhập hoạt động của **OCB** năm **2023 tăng trưởng 4.74%** so với năm trước, đạt **8,938,127** tỷ đồng. Tuy nhiên, trong đó thu nhập lãi thuần **giảm 2.62%** còn **6,765,518** tỷ đồng Lợi nhuận sau thuế **sụt giảm 5.88%** so với năm trước đạt **3,303,303** tỷ đồng.

Tỷ suất sinh lợi của Tài sản có sinh lãi (YOEA) **tăng thêm 0.93%** so với năm trước đạt **8.84%**, và cũng **cao hơn** mức **trung bình ngành 8.30%**. Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) **giảm đi 0.61%** ở mức **3.30%**, nhưng **thấp hơn** mức NIM trung bình ngành **3.46%**.

## Ngân hàng TMCP Phương Đông

### Thu nhập thuần



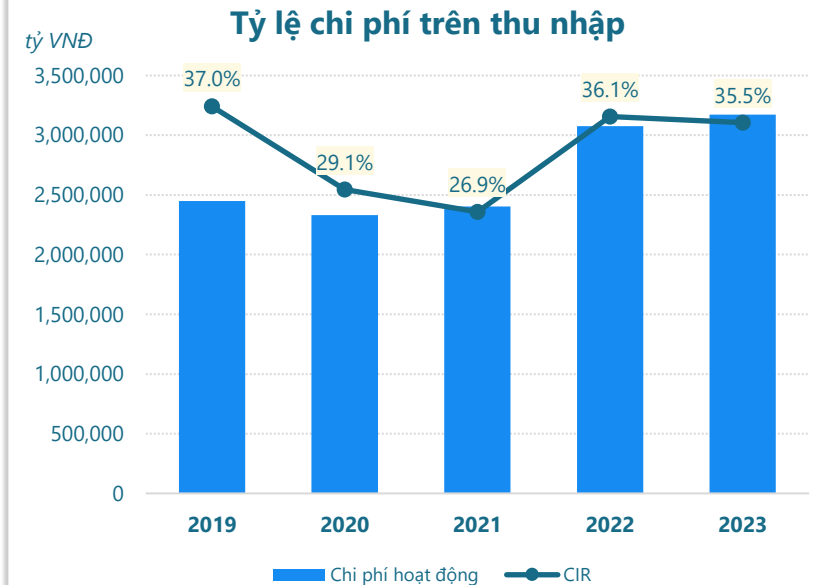
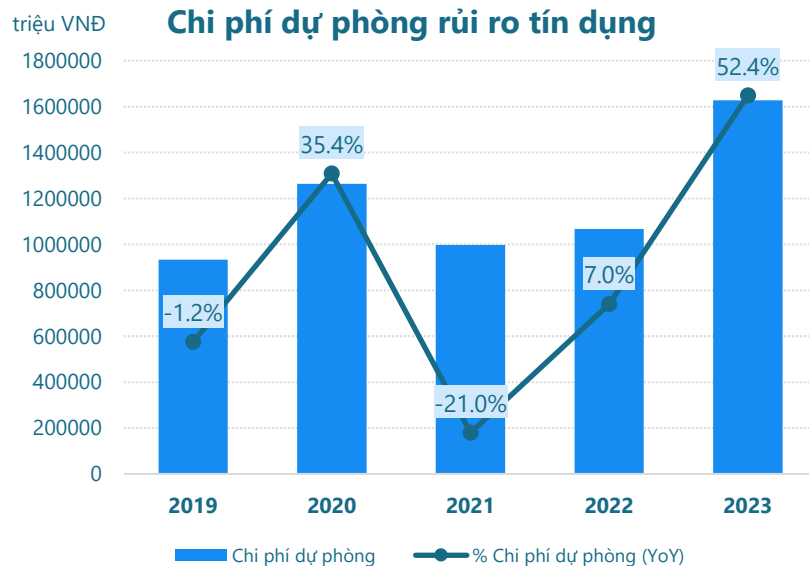
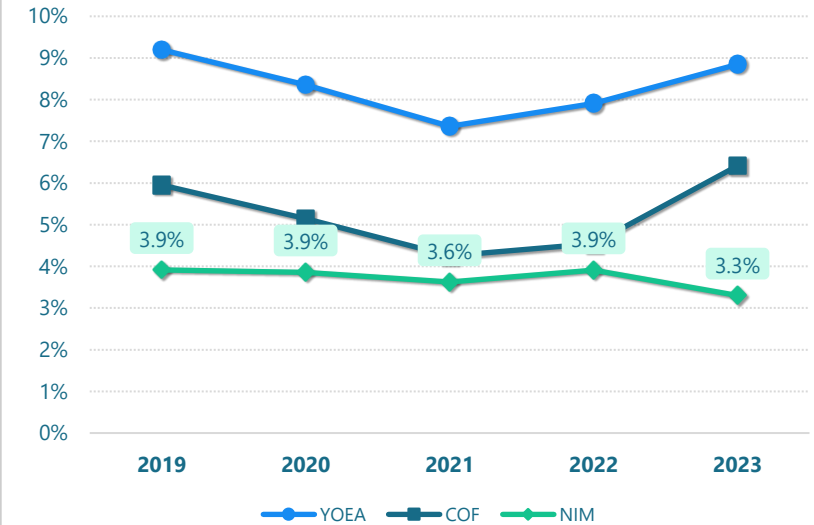
Năm 2023, thu nhập từ lãi thuần của OCB chiếm **75.7%** tổng thu nhập và tỷ lệ này **thấp hơn** năm trước (**81.4%**). **Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ** chiếm **9.87%** và **thu nhập từ các hoạt động khác** chiếm **14.4%** tổng thu nhập.

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng đạt **1,627,225** tỷ đồng, **tăng 52.4%** so với năm trước.

Tỷ lệ chi phí huy động vốn (COF) là **6.41%**, **tăng thêm 1.86 đ%** so với năm trước. Cho thấy chi phí huy động vốn của ngân hàng ngày càng đắt đỏ hơn. **COF** của OCB **cao** hơn trung bình ngành (**4.84%**) **1.57 đ%**, là một dấu hiệu tiêu cực cho thấy ngân hàng đang phải trả mức lãi suất cao hơn để huy động nguồn vốn so với các ngân hàng khác.

**Chi phí hoạt động** của OCB năm 2023 là **3,171,425** tỷ đồng, **tăng 3.08%** so với năm trước. Tuy nhiên, Tỷ số chi phí trên thu nhập (CIR) bằng **35.5%** lại **thấp hơn** năm trước **0.58 đ%** cho thấy thu nhập hoạt động đang **tăng** nhanh hơn so với chi phí hoạt động. CIR của OCB **cao hơn** CIR trung bình ngành (**33.3%**) là **2.18 đ%**, ngân hàng cần tối ưu hóa chi phí, tăng thu nhập và quản lý rủi ro để

### Tỷ suất sinh lợi, Chi phí

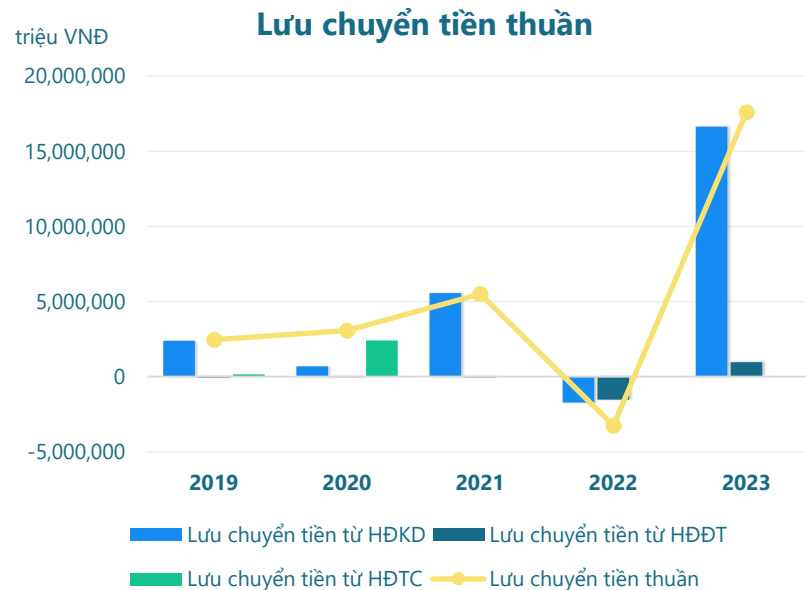


## Ngân hàng TMCP Phương Đông

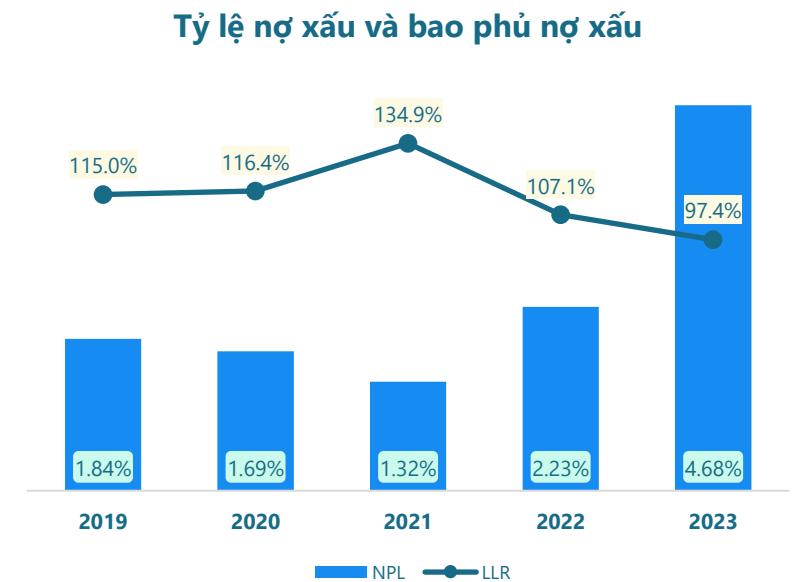
**Lưu chuyển tiền thuần** năm **2023** của **OCB** dương **17,603,937** tỷ đồng, trong đó đóng góp nhiều nhất là **Lưu chuyển tiền từ HĐKD** chiếm **16,635,470** tỷ đồng. Thể hiện quy mô vốn bằng tiền của ngân hàng đang tăng lên đặc biệt khi dòng tiền dương chủ yếu từ HĐKD.



Tỷ lệ nợ xấu (**NPL**) **tăng lên 4.68%** cùng với Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) giảm xuống 97.4% so với năm trước cho thấy sự suy giảm về chất lượng tài sản và khả năng quản lý rủi ro của ngân hàng.



Năm **2023**, khoản **Cho vay khách hàng** của **OCB** đạt **144,704,317** tỷ đồng, **tăng trưởng 22.4%** so với năm trước. **Tiền gửi khách hàng** đạt **125,945,932** tỷ đồng, **tăng trưởng 23.2%** so với năm trước. **Tỷ lệ cho vay/tiền gửi khách hàng** thấp hơn năm trước nhưng vẫn bằng **115%**, cho thấy mặc dù hoạt động cho vay vẫn vượt quá khả năng huy động từ tiền gửi nhưng đã giảm đi so với năm trước. Ngân hàng đã quản lý và cơ cấu lại hoạt động cho vay và huy động vốn.



## Ngân hàng TMCP Phương Đông

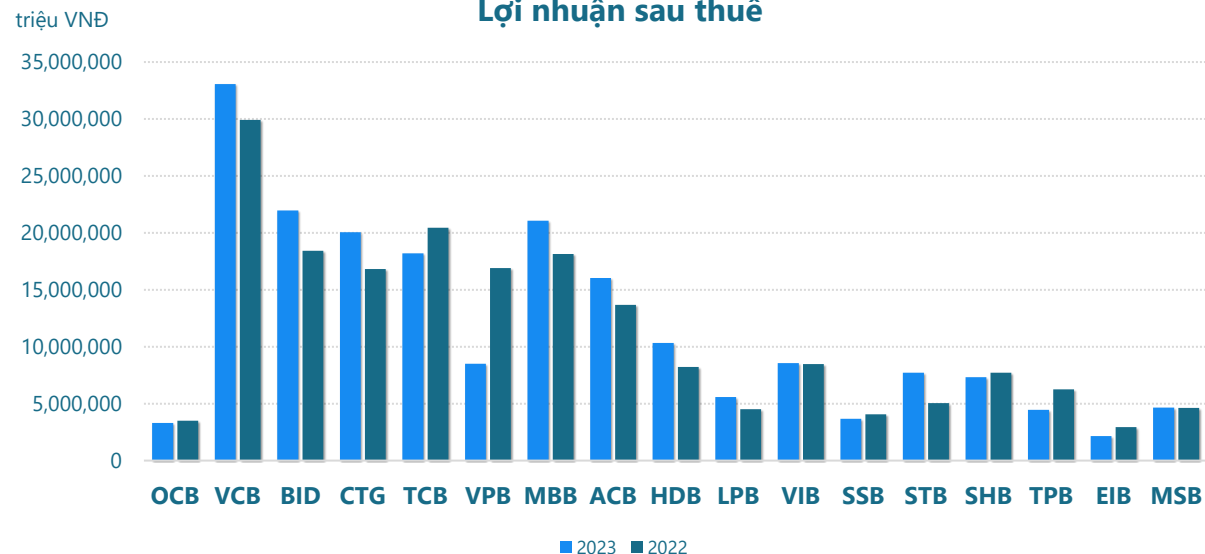
KẾT QUẢ KINH DOANH (triệu VNĐ)	2020	2021	2022	2023
<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>4,981,711</b>	<b>5,765,585</b>	<b>6,947,583</b>	<b>6,765,518</b>
Lãi thuần từ HĐ dịch vụ	840,561	784,501	1,014,174	882,063
Lãi thuần từ KD ngoại hối	94,975	99,733	145,114	389,065
Lãi thuần từ CK KD, Đầu tư	1,882,720	1,868,437	-217,461	648,058
Lãi thuần từ HĐ khác	210,997	400,898	644,162	253,422
Lãi thuần từ góp vốn mua cổ phần	1,902	0	0	0
<b>Tổng thu nhập hoạt động (TOI)</b>	<b>8,012,867</b>	<b>8,919,153</b>	<b>8,533,571</b>	<b>8,938,127</b>
Chi phí hoạt động	2,330,119	2,402,924	3,076,802	3,171,425
<b>LN trước dự phòng</b>	<b>5,682,748</b>	<b>6,516,229</b>	<b>5,456,769</b>	<b>5,766,702</b>
Chi phí dự phòng	1,263,439	997,677	1,067,461	1,627,225
<b>LN trước thuế</b>	<b>4,419,309</b>	<b>5,518,553</b>	<b>4,389,308</b>	<b>4,139,476</b>
Thuế	884,537	1,113,594	879,590	836,173
<b>LN sau thuế</b>	<b>3,534,772</b>	<b>4,404,959</b>	<b>3,509,718</b>	<b>3,303,303</b>
<b>LN ròng</b>	<b>3,534,772</b>	<b>4,404,959</b>	<b>3,509,718</b>	<b>3,303,303</b>

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ #REF!	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	681,325	5,556,330	-1,718,256	16,635,470
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-31,066	-66,471	-1,534,494	968,472
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2,420,406	-578	-7.73	-4.25
Tiền đầu kỳ	17,137,888	20,208,553	25,697,834	22,445,076
<b>Lưu chuyển tiền thuần</b>	<b>3,070,665</b>	<b>5,489,281</b>	<b>-3,252,757</b>	<b>17,603,937</b>
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	20,208,553	25,697,834	22,445,076	40,049,014

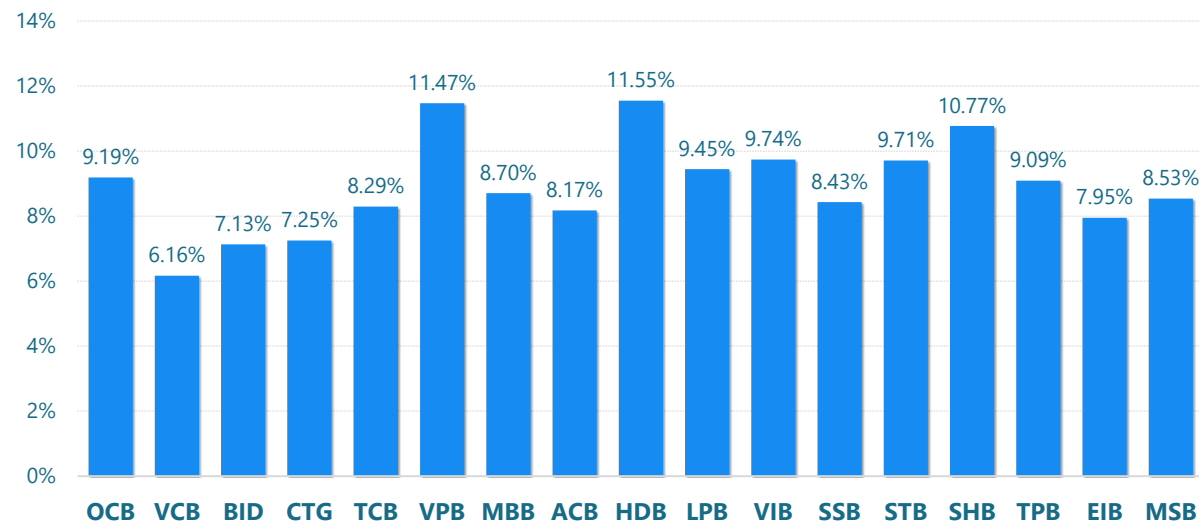
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (triệu VNĐ)	2020	2021	2022	2023
<b>Tổng tài sản</b>	<b>152,528,879</b>	<b>184,491,035</b>	<b>193,994,238</b>	<b>240,114,275</b>
Tiền và TĐ tiền	932,451	713,556	793,464	779,734
Tiền gửi tại NHNN	4,087,881	3,852,855	3,225,387	6,965,365
Tín phiếu kho bạc và GTCG	0	0	0	0
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	16,383,841	22,594,539	20,636,255	33,900,216
Chứng khoán kinh doanh	929,410	4,565,000	142,838	0
Các CCPS và các TS TC khác	65,588	125,807	360,044	41,474
<b>Cho vay khách hàng</b>	<b>88,300,511</b>	<b>100,934,633</b>	<b>118,220,310</b>	<b>144,704,317</b>
Chứng khoán đầu tư	33,588,023	40,968,392	37,333,105	40,291,755
Góp vốn đầu tư dài hạn	2,905	0	662	546,768
Tài sản cố định	545,544	555,859	583,606	554,565
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
Tài sản có khác	7,692,725	10,180,393	12,698,567	12,330,081
<b>Tổng nợ</b>	<b>135,093,496</b>	<b>162,686,026</b>	<b>168,721,998</b>	<b>211,578,571</b>
Các khoản nợ CP và NHNN	152,190	130,607	2,594,630	94,394
Tiền gửi và vay các TCTD khác	22,837,721	32,038,024	22,638,643	31,039,865
<b>Tiền gửi khách hàng</b>	<b>87,171,376</b>	<b>98,804,613</b>	<b>102,203,189</b>	<b>125,945,932</b>
Các CCPS và nợ TC khác	0	0	0	0
Vốn tài trợ, uỷ thác ĐT mà NH chịu RR	4,935,421	4,996,403	3,168,474	4,358,195
Phát hành giấy tờ có giá	16,334,563	22,628,650	32,022,738	37,808,325
Các khoản nợ khác	3,662,226	4,087,729	6,094,325	12,331,859
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17,435,383</b>	<b>21,805,009</b>	<b>25,272,239</b>	<b>28,535,703</b>
Lợi ích của CĐ không kiểm soát	0	0	0	0

## Ngân hàng TMCP Phương Đông

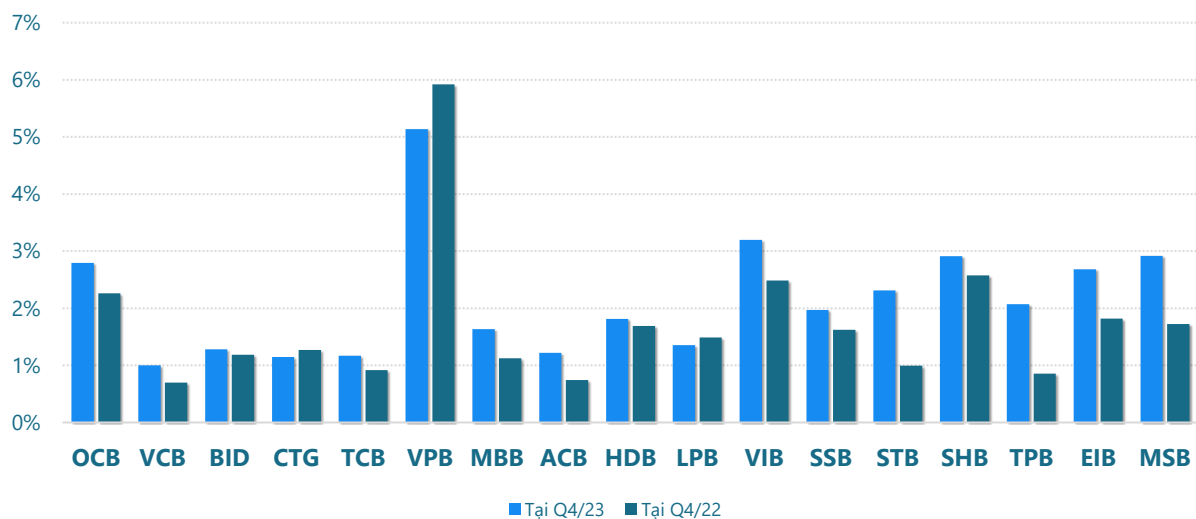
Lợi nhuận sau thuế



Tỷ suất sinh lợi của Tài sản sinh lãi (YOEAE)



Tỷ lệ nợ xấu



Trong các mã chứng khoán trên, **VCB** có lợi nhuận sau thuế năm 2023 lớn nhất đạt **33,054,448** tỷ đồng (**tăng trưởng 10.5%**). **EIB** có lợi nhuận sau thuế thấp nhất chỉ đạt **2,165,099** tỷ đồng (**giảm đi 26.5%**). Còn lợi nhuận sau thuế của **OCB** đạt **3,303,303** tỷ đồng (**giảm đi 5.88%**).

Với Tỷ suất sinh lợi của Tài sản Có sinh lãi (**YOEAE**), **HDB** đạt mức tỷ suất lớn nhất là **11.6%**, **VCB** đạt mức tỷ suất thấp nhất là **6.16%**. Còn **OCB** đạt mức tỷ suất là **9.19%**, xếp **thứ 4** trong các mã trên.

Tỷ lệ nợ xấu của **VPB** là cao nhất ở mức **5.14%**, ở mức thấp nhất là mã **VCB** bằng **1.00%**. Còn **OCB** có tỷ lệ nợ xấu bằng **2.79%**, xếp **thứ 4** trong nhóm mã trên.